

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI

Số: 41/2011/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 12 năm 2011

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2012**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**  
**KHÓA XI - KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Trên cơ sở xem xét các báo cáo của UBND tỉnh, các ngành chức năng của tỉnh; báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh và ý kiến đại biểu HĐND tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XI, kỳ họp thứ 4 xác định:

**I. Về mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu năm 2012:**

**1. Mục tiêu tổng quát:**

Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế đề ra trên cơ sở nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; tập trung huy động và phân bổ hợp lý nguồn lực để thực hiện ba nhiệm vụ đột phá: phát triển công nghiệp, phát triển đô thị, phát triển nguồn nhân lực và hai nhiệm vụ trọng tâm: phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu giảm nghèo nhanh và bền vững ở 6 huyện miền núi; thực hiện tốt các giải pháp kiềm chế lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh.

**2. Các chỉ tiêu chủ yếu:**

**a) Chỉ tiêu kinh tế:**

- Tốc độ tăng trưởng GDP (giá so sánh 1994) : 10 - 11%.
- GDP bình quân đầu người : 1.694 USD/người/năm
- Cơ cấu kinh tế:
  - + Công nghiệp - xây dựng : 59 - 60%
  - + Dịch vụ : 23 - 24%
  - + Nông - lâm - thủy sản : 16 - 17%
- Tốc độ tăng giá trị sản xuất (giá so sánh 1994) :
  - + Công nghiệp - xây dựng tăng : 11 - 12%
  - + Dịch vụ tăng : 14 - 15%
  - + Nông - lâm - thủy sản tăng : 3 - 3,5%

- Sản lượng lương thực có hạt : 447.958 tấn.
- Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng: 112.800 tấn.
- Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ : 25.900 tỷ đồng.
- Giá trị kim ngạch xuất khẩu : 230,9 triệu USD.
- Giá trị kim ngạch nhập khẩu : 1.094 triệu USD.
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn : 18.590,7 tỷ đồng.
- Tổng chi ngân sách địa phương : 6.612,4 tỷ đồng.
- Tổng vốn đầu tư phát triển : 12.850 tỷ đồng.

**b) Chỉ tiêu văn hóa - xã hội:**

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên : 8,62‰.
- Số giường bệnh/1 vạn dân : 19,8 giường.
- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế : 55%.
- Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ : 100%.
- Tạo việc làm mới và tăng thêm việc làm : 37.000 lao động.
- Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề so với tổng số lao động: 34%.
- Cơ cấu lao động trong nền kinh tế:
  - + Công nghiệp - xây dựng : 25%,
  - + Dịch vụ : 23%,
  - + Nông - lâm - thủy sản : 52%.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm 4,0%; trong đó, miền núi giảm 4,9%.
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia
  - + Mầm non : 14,2%.
  - + Tiểu học : 56,3%.
  - + Trung học cơ sở : 50,9%.
  - + Trung học phổ thông : 38,5%.
- Tỷ lệ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: 99%.
- Tỷ lệ đạt chuẩn văn hoá:
  - + Gia đình văn hóa : 76%.
  - + Khu dân cư văn hóa : 77%.
  - + Cơ quan, đơn vị văn hóa : 92%.

**c) Chỉ tiêu về môi trường:**

- Độ che phủ của rừng : 46%.
- Tỷ lệ cây xanh đô thị (TP Quảng Ngãi và các thị trấn): 65%.
- Tỷ lệ xử lý rác thải, chất thải rắn ở KKT, KCN và đô thị: 70%; nông thôn: 65%.
- Tỷ lệ hộ dân đô thị được dùng nước sạch: 90%.
- Tỷ lệ hộ dân nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh: 78%.

**d) Chỉ tiêu về quốc phòng - an ninh:**

- Giáo dục quốc phòng - an ninh cho các đối tượng đạt 100%.
- Động viên quân dự bị và tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu.
- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt 1,5% so với tổng dân số.

- Xây dựng 80% xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng - an ninh; trong đó 48% xã, phường, thị trấn vững mạnh, toàn diện.

**đ) Các công trình trọng điểm:**

- Hợp phần Di dân, tái định cư Dự án hồ chứa nước Nước Trong (chuyển tiếp).
- Trường Đại học Phạm Văn Đồng (chuyển tiếp).
- Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh (chuyển tiếp).
- Hạ tầng đô thị thành phố Quảng Ngãi (chuyển tiếp).
- Tiêu úng thoát lũ sông Thoa (chuyển tiếp).

**II. Một số nhiệm vụ và giải pháp chính:**

1. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 11/NQ-CP và các văn bản chỉ đạo, điều hành của Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương về tiếp tục kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội. Phân đầu đạt và vượt dự toán thu ngân sách năm 2012; điều hành dự toán ngân sách nhà nước đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết HĐND tỉnh; nâng cao hiệu quả chi tiêu công, triệt để thực hành tiết kiệm và chống lãng phí ngân sách nhà nước. Kiểm soát chặt chẽ hoạt động của các tổ chức tín dụng, bảo đảm chấp hành đúng các quy định về quản lý tiền tệ, tín dụng.

2. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 15/2011/NQ-HĐND ngày 22/7/2011 của HĐND tỉnh về đẩy mạnh phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020. Trong năm 2012, hoàn thành việc phê duyệt các quy hoạch phát triển ngành, sản phẩm công nghiệp trọng yếu trên địa bàn tỉnh, quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Dung Quất II. Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển Khu kinh tế Dung Quất giai đoạn 2011-2015; kế hoạch thực hiện việc liên doanh, liên kết với các đơn vị, địa phương ngoài tỉnh và liên kết vùng giữa các tỉnh duyên hải miền Trung. Tập trung chỉ đạo thực hiện một cách đầy đủ, có trách nhiệm các cam kết và tạo điều kiện thuận lợi nhất để Công ty liên doanh TNHH Việt Nam- Singapore thực hiện đầu tư khu công nghiệp, đô thị tại tỉnh. Tích cực phối hợp với Ban quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất trong giải quyết những công việc thuộc trách nhiệm của địa phương liên quan đến việc nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu. Tiếp tục chỉ đạo xây dựng, phát triển các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp - làng nghề theo quy hoạch.

3. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 27/2011/NQ-HĐND ngày 27/10/2011 của HĐND tỉnh về phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015 định hướng đến năm 2020 và Nghị quyết số 23/2011/NQ-HĐND ngày 27/10/2011 của HĐND tỉnh về đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội, phấn đấu giảm nghèo nhanh và bền vững ở 06 huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020; tích cực thực hiện Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ đối với các huyện miền núi; chú trọng nâng cao dân trí và ý thức vươn lên thoát nghèo của người dân miền núi. Trong năm 2012 hoàn thành phê duyệt đề án, quy hoạch xây dựng nông thôn mới; tập trung triển khai xây dựng nông thôn mới ở các xã và huyện được chọn thí điểm. Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và tất cả huyện, thành phố. Đẩy nhanh tiến độ giao đất, giao rừng cho nhân dân sản xuất và chăm sóc bảo vệ rừng. Kiểm tra diện

tích đất lâm nghiệp đã giao cho các tổ chức, cá nhân sử dụng không phù hợp, kém hiệu quả để có sự điều phối, tạo điều kiện cho hộ dân có đủ đất sản xuất. Rà soát quy hoạch đất rừng phòng hộ để điều chỉnh cho phù hợp với thực tế; đồng thời có kế hoạch giao cho nhân dân chăm sóc, bảo vệ theo quy định, bảo đảm tất cả diện tích rừng phòng hộ đều có chủ và được chăm sóc, bảo vệ. Khuyến khích đóng mới tàu thuyền có công suất lớn, hình thành các hợp tác xã khai thác thủy sản xa bờ với đội tàu công suất lớn, trang thiết bị tiên tiến, có khả năng bám biển dài ngày đánh bắt xa bờ và tham gia bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển. Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng công nghiệp, bền vững.

4. Phát triển các loại hình thương mại, dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội, nhất là ở Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư thương mại, du lịch. Khuyến khích, hỗ trợ, kêu gọi đầu tư vào Khu du lịch Mỹ Khê và Sa Huỳnh, Suối nước nóng Nghĩa Thuận, Khu du lịch sinh thái Cà Đàm... Tiếp tục tôn tạo, trùng tu các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh gắn với phát triển du lịch của tỉnh. Đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh và giá trị gia tăng cao; tìm cơ hội xuất khẩu vào các thị trường mới, có tiềm năng nhằm hạn chế rủi ro biến động thị trường.

5. Tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi người có công với nước; các chính sách an sinh xã hội, chính sách giảm nghèo bền vững. Phấn đấu giải quyết cơ bản việc hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo và gia đình chính sách. Khẩn trương xây dựng các khu tái định cư, tái định canh bảo đảm điều kiện sống ổn định cho đồng bào vùng lòng hồ Nước Trong; có biện pháp quyết liệt để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án hợp phần di dân tái định cư trong năm 2012. Tích cực phòng ngừa, kiểm soát dịch bệnh, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao chất lượng dân số.

6. Hoàn thành các quy hoạch ngành, lĩnh vực và một số sản phẩm chủ yếu trong năm 2012. Các quy hoạch phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 của tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và bảo đảm yêu cầu định hướng phát triển. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/2011/NQ-HĐND ngày 27/10/2011 của HĐND tỉnh về đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020. Ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị tại thành phố Quảng Ngãi và các thị trấn trong tỉnh. Tập trung hoàn thành quy hoạch chi tiết về phát triển các đô thị; Đề án phát triển Khu kinh tế Dung Quất thành thành phố trực thuộc tỉnh; Đề án phát triển đảo Lý Sơn mạnh về kinh tế, vững chắc về an ninh quốc phòng; Quy hoạch nâng cấp thị trấn Đức Phổ thành đô thị loại IV làm cơ sở đưa huyện Đức Phổ trở thành thị xã trước năm 2015; hoàn thành thủ tục mở rộng địa giới hành chính thành phố Quảng Ngãi; phê duyệt quy hoạch thị trấn mới của huyện Sơn Tịnh.

7. Thực hiện tốt công tác lập và quản lý quy hoạch, kế hoạch thăm dò các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là khoáng sản, nhằm quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả. Đẩy mạnh xã hội hóa và nâng cao nhận thức của toàn xã hội về công tác bảo vệ môi trường. Tăng cường công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là ở Khu kinh tế Dung Quất, các Khu công nghiệp của tỉnh, các cụm công nghiệp -

làng nghề các huyện, thành phố. Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng.

**8. Đổi mới và nâng cao hiệu quả đầu tư công.** Xác định cơ cấu đầu tư hợp lý từ ngân sách nhà nước, ưu tiên đầu tư vào các nhiệm vụ đột phá, trọng tâm và các mục tiêu kinh tế - xã hội quan trọng của tỉnh; khắc phục tình trạng dàn trải trong đầu tư. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; có cơ chế, chính sách, giải pháp huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, đạt hiệu quả và phân đấu giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước năm 2012. Ngay từ đầu năm 2012, xây dựng nguyên tắc, xác định danh mục dự án và chuẩn bị đầy đủ các thủ tục để thực hiện đầu tư trong năm 2013, bảo đảm tập trung cho 3 nhiệm vụ đột phá, 2 nhiệm vụ trọng tâm. Kiểm soát chặt chẽ, nâng cao chất lượng công tác tư vấn, nhất là ở khâu chuẩn bị đầu tư. Rà soát các dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, giao đất, cho thuê đất nhưng triển khai chậm để kịp thời có giải pháp giải quyết phù hợp. Kiên quyết thu hồi chứng nhận đầu tư, thu hồi đất đối với các dự án kéo dài nhiều năm, không thực hiện đúng quy định của pháp luật. Xem xét việc đầu tư phát triển thủy điện trên địa bàn tỉnh một cách hợp lý, bảo đảm môi trường sinh thái và đúng quy hoạch được duyệt.

**9. Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, công dân đăng ký và phát triển doanh nghiệp,** nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa để đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh. Tiếp tục thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước; củng cố và có kế hoạch nhân rộng các mô hình hợp tác xã hoạt động có hiệu quả, đồng thời giải quyết dứt điểm những hợp tác xã không có khả năng chuyển đổi hay tổ chức lại. Tập trung giải quyết vướng mắc về thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, tạo quỹ đất sạch để tăng cường thu hút đầu tư vào tỉnh.

**10. Tiếp tục nâng cao chất lượng và mở rộng mạng lưới giáo dục đào tạo và dạy nghề,** góp phần phát triển nguồn nhân lực; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, học tập trong nhà trường; giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên, học sinh gắn với phòng chống bạo lực học đường; chấn chỉnh việc dạy thêm, học thêm không đúng quy định; tích cực khắc phục tình trạng học sinh bỏ học. Đẩy mạnh, nâng cao năng lực, chất lượng nghiên cứu khoa học; kịp thời chuyển giao kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống. Đa dạng hóa các hình thức dạy nghề cho nông dân. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng Internet, nâng cao chất lượng báo chí, phát thanh, truyền hình. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao; nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về xã hội hóa.

**11. Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước** theo hướng tinh gọn và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án 30 về đơn giản hóa các thủ tục hành chính; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính. Cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh về môi trường kinh doanh (PCI). Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Trong năm 2012 hoàn thành việc xây dựng các Đề án: Nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông; Đào tạo

ngành, kỹ thuật chất lượng cao; Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ doanh nhân; Đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ và thu hút nhân lực có trình độ cao; Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị theo Nghị quyết số 22/2011/NQ-HĐND ngày 27/10/2011 của HĐND tỉnh về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

**12.** Tiếp tục xây dựng, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc. Xây dựng lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ bảo đảm về số lượng và chất lượng; bảo đảm lực lượng sẵn sàng chiến đấu. Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, chủ động phòng ngừa và ngăn chặn có hiệu quả tội phạm và tệ nạn xã hội. Thực hiện tốt Đề án của Thủ tướng Chính phủ về Bảo đảm trật tự, trị an, an toàn cho nhân dân và các hoạt động trên biển đảo; tăng cường chỉ đạo bảo đảm an ninh trật tự Khu kinh tế Dung Quất. Tiếp tục tăng cường các biện pháp kiềm chế, giảm thiểu tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí (số vụ, số người chết, số người bị thương). Chú trọng công tác phòng cháy, chữa cháy và phòng, chống lụt bão, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn.

### **Điều 2.**

**1.** Thông qua Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2011, nhiệm vụ kế hoạch đầu tư phát triển năm 2012 của UBND tỉnh và phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển năm 2012 kèm theo báo cáo (có danh mục kèm theo Nghị quyết này).

**2.** Trên cơ sở các Báo cáo kết quả giám sát của Thường trực và các Ban HĐND tỉnh, giao cho Thường trực HĐND tỉnh có văn bản kiến nghị UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các kiến nghị sau giám sát. UBND tỉnh báo cáo kết quả giải quyết cho HĐND tỉnh tại kỳ họp giữa năm 2012.

### **Điều 3.**

**1.** UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**2.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Hội đồng nhân dân tỉnh kêu gọi các cấp, các ngành, quân và dân trong tỉnh nêu cao tinh thần thi đua yêu nước, đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, tận dụng thời cơ thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2012.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa XI thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2011, tại kỳ họp lần thứ 4./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Minh Toán**

**Biểu 1**  
**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TRẢ NỢ KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH TỪ NĂM 2011 TRỞ VỀ TRƯỚC**  
**Nguồn ngân sách trong cân đối NS địa phương**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 41/2011/HĐND-NQ ngày 12/12/2011 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)*

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Các dự án hoàn thành năm 2011	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng dự toán được duyệt	Đã thực hiện đến hết 31/12/2010	Đã thanh toán đến 31/12/2010	Đã bố trí kế hoạch 2011	Vốn thiếu so với TMDT	Kế hoạch năm 2012	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Các dự án hoàn thành năm 2011</b>					<b>363.784</b>	<b>169.914</b>	<b>203.339</b>	<b>81.721</b>	<b>35.333</b>	<b>21.500</b>	Phần còn thiếu do không thực hiện hết TMDT và chờ quyết toán
<b>I</b>	<b>Ngành Giao thông Vận tải</b>					<b>324.318</b>	<b>162.463</b>	<b>193.859</b>	<b>58.971</b>	<b>29.484</b>	<b>17.000</b>	
1	Tuyến đường ngã ba Trà Bao-Trà Quận	C	Tây Trà	06 km	2008-2009	31.153	25.186	21.396	2.100	4.542	3.000	NS tỉnh 90%
2	Đường Giá Gói - Mô Nít	C	Sơn Hà	3,282km	2009-2010	21.100	19.937	12.000	2.800	4.190	3.000	NS tỉnh 90%
3	Đường Nghĩa Phương - Nghĩa Trung	C	Tư Nghĩa	4,507km	2009-2010	19.022	13.279	10.000	3.150	2.068	1.500	NS tỉnh 80%
4	Đường Trung tâm thị trấn Di Lăng	B	Sơn Hà	3,228km	2009-2010	60.350	37.558	37.965	2.100	4.087	1.000	Dự kiến BS cuối năm 2011
5	Đường Trung tâm thị trấn Trà Xuân	C	Trà Bồng	7,638km	2009-2011	45.602	33.695	38.400	5.000	2.202	1.500	
6	Nâng cấp tuyến đường Trung tâm huyện Lý Sơn	C	Lý Sơn	1,55km	2010	24.642	3.939	15.000	2.800	1.914	1.000	NS tỉnh 80%
7	Cầu Mới	C	TP QN		2010	26.776	10.306	13.600	10.000	3.176	2.000	

8	Đường trục chính phía đông trung tâm thị trấn La Hà	C	Tư Nghĩa	1,015km	2010-2011	14.776	3.663	8.498	735	2.588	2.000	NS tỉnh 80%
9	Đường Mỏ Cày - Năng An	C	Mộ Đức	7 km	2010-2011	44.463	6.189	20.000	14.186	1.384	1.000	NS tỉnh 80%
10	Nâng cấp tuyến Đường Bò Đè - Đức Lợi - Mỹ Á lý trình Km31 - Km40 (ĐT.627B)	C	Đức Phổ	10km	2010-2011	36.434	8.711	17.000	16.100	3.334	1.000	
<b>II</b>	<b>Nông nghiệp, thủy lợi</b>					<b>27.000</b>	<b>2.591</b>	<b>4.620</b>	<b>20.500</b>	<b>1.058</b>	<b>500</b>	
11	Đập Pring giai đoạn 2	C	Sơn Hà	220ha	2010-2011	27.000	2.591	4.620	20.500	1.058	500	
<b>III</b>	<b>Công cộng</b>					<b>6.984</b>	<b>3.000</b>	<b>3.000</b>	<b>1.750</b>	<b>1.669</b>	<b>1.000</b>	
12	Hệ thống cấp nước sinh hoạt Thị trấn Ba Tơ	C	Ba Tơ	5990 người	2010	6.984	3.000	3.000	1.750	1.669	1.000	
<b>IV</b>	<b>Ngành Giáo dục đào tạo</b>					<b>5.482</b>	<b>1.860</b>	<b>1.860</b>	<b>500</b>	<b>3.122</b>	<b>3.000</b>	
13	Nhà Khảo thí và cải tạo hội trường	C	TPQN		2009-2011	5.482	1.860	1.860	500	3.122	3.000	
<b>B</b>	<b>Trả nợ ngân sách (mượn thanh toán khối lượng hoàn thành năm 2009)</b>					<b>143.175</b>	<b>143.175</b>			<b>143.175</b>	<b>100.000</b>	Theo CV số 3702/UBND-KTTH, 9/12/2010



**Biểu 2**  
**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP**  
**Nguồn ngân sách trong cân đối NS địa phương**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 41/2011/HĐND-NQ ngày 12/12/2011 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)*

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nhóm dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NS tỉnh	Đã có KH đến năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Vốn còn thiếu so với TMDT	Kế hoạch năm 2012	Ghi chú
		<b>TỔNG SỐ</b>				<b>887.612</b>	<b>765.864</b>	<b>241.248</b>	<b>230.950</b>	<b>293.666</b>	<b>146.860</b>	
A	Các dự án ghi kế hoạch thực hiện từ năm 2010 về trước					<b>854.737</b>	<b>734.846</b>	<b>241.248</b>	<b>222.850</b>	<b>270.748</b>	<b>130.800</b>	
I	Ngành giao thông											
1	Đường Nguyễn Tự Tân	UBND TP. Quảng Ngãi	Thành phố QN	2,403km	2009-2010	55.819	44.655	33.471	6.000	5.184	4.000	NS tỉnh 80%
2	Đường Phan Đình Phùng nói dài	UBND TP. Quảng Ngãi	Thành phố QN	1,436km	2009-2010	40.357	40.357	12.156	9.600	18.601	7.300	Dự kiến bỏ sung cuối năm theo khối lượng thực hiện
3	Đường Lê Đại Hành	UBND TP. Quảng Ngãi	Thành phố QN	643,73m	2009-2010	30.706	24.565	7.000	2.800	14.765	6.500	NS tỉnh 80%
4	Nâng cấp tuyến đường 623, đoạn Ngã tư Sơn Tịnh - Đường sắt Bắc Nam	UBND huyện Sơn Tịnh	Huyện Sơn Tịnh	2,588km	2010-2011	67.922	54.338	30.000	8.750	15.588	13.000	NS tỉnh 80%
5	Đường trung tâm thị trấn Đức Phổ nói dài	UBND huyện Đức Phổ	Đức Phổ	2km	2010-2011	59.906	47.925	17.450	16.500	13.975	10.000	NS tỉnh 80%
6	Đường Quốc lộ 1A - Mỹ Á (giai đoạn 2)	UBND huyện Đức Phổ	Đức Phổ	1,6km	2010-2011	51.982	41.586	14.000	13.000	14.586	10.500	NS tỉnh 80%

7	Đường Quốc lộ 1A - Phố Vinh	B	Phố	UBND huyện Đức Phổ	Đức Phổ	3km	2010-2011	78.960	63.168	21.000	26.000	16.168	12.000	NS tỉnh 80%
8	Đường nội thị thị trấn Chợ Chùa và đường Cầu Bến Đá Nghĩa Hành	C		UBND huyện Nghĩa Hành	Nghĩa Hành	3,688km	2010-2011	43.699	34.959	12.600	7.700	14.659	11.000	NS tỉnh 80%
9	Đường Tịnh Hà - Tịnh Bắc	C		UBND huyện Sơn Tịnh	Sơn Tịnh	8,8km	2010-2011	41.237	32.990	7.000	12.000	13.990	10.000	NS tỉnh 80%
10	Sửa chữa cầu cảng Lý Sơn	C		UBND huyện Lý Sơn				31.800	31.800	12.000	10.000	9.800	2.000	Dự kiến bổ sung cuối năm theo khối lượng thực hiện
<b>II</b>	<b>Ngành Phát thanh truyền hình</b>													
11	Trường Quay Đài PTTH	B		Đài PTTH	TP QN			59.273	59.273	18.971	16.000	24.302	17.000	
<b>III</b>	<b>Ngành Giáo dục đào tạo</b>													
12	Chương trình kiên cố hóa trường học						2008-2012	212.400	212.400	45.000	80.000	87.400	11.500	Bố trí vốn XSKT 28,5 tỷ đồng
<b>IV</b>	<b>Ngành An ninh quốc phòng</b>													
13	Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ thuộc Công an tỉnh	B		CA tỉnh	TPQN	250 học viên	2010-2012	43.402	21.701	1.400	7.000	13.301	8.000	NS tỉnh 50%
14	Xây dựng Trung tâm thông tin chỉ huy Công an tỉnh	C		CA tỉnh	TPQN		2010-2012	24.144	12.000		5.000	7.000	7.000	NS tỉnh 589,335 USD
15	Đường hầm Sờ chỉ huy phía Nam tỉnh Quảng Ngãi, Ký hiệu St02-QNg2006.	C		BCH QS tỉnh	Mộ Đức		2009-2010	13.130	13.130	9.200	2.500	1.430	1.000	

B	Các dự án khởi công mới năm 2011 cho thực hiện							32.875	31.018	0	8.100	22.918	16.060
<b>I</b>	<b>Công cộng</b>												
1	Dự án di dân tái định cư dân vùng sạt lở ven sông xã Tịnh Long (giai đoạn 2 phần Hệ thống cấp nước)	C	UBND huyện Sơn Tịnh		200m3/ngày đêm	2.011	3.427	3.427	3.427		2.000	1.427	1.000
<b>II</b>	<b>ANQP</b>												
2	Đường vào đồn biên phòng cửa khẩu cảng Dung Quất	C	BCH BDBP tỉnh Q. Ngãi		L = 712 m	2010-2011	5.459	5.459	5.459		1.500	3.959	2.500
3	Nhà làm việc Công an thị trấn Đức Phổ	C	Công an tỉnh		Sàn 294,64m2	2011	1.906	1.906	1.906		500	1.406	1.200
<b>III</b>	<b>QLNN</b>												
4	Sửa chữa Nhà làm việc Sở Tư pháp	C	Sở Tư pháp		Sửa chữa, nâng cấp 1206,3m2	2011	2.310	2.310	2.310		500	1.810	1.200
5	Nâng cấp, cải tạo Nhà làm việc Chi cục PTNT	C	Sở NN và PTNT		156,78 m2 sàn mới, sửa 47,25m2 sàn cũ	2010-2011	802	802	802		500	302	300
6	Nhà làm việc BQL rừng phòng hộ đầu nguồn Thạch Nham	C	Sở NN và PTNT		662,9 m2 sàn và các hạng mục phụ	2010-2011	3.274	3.274	3.274		600	2.674	1.700
7	Nhà lưu niệm Anh hùng liệt sỹ Phạm Xuân Hòa	C	UBND huyện Đức Phổ		Nhà chính 390 m2 sàn	2010	4.357	2.500	2.500		1.000	1.500	1.200
8	Nhà bảo vệ mục tiêu trụ sở UBND tỉnh	C	VP UBND tỉnh			2011	1.725	1.725	1.725		1.000	725	600

9	Chính lý, bổ sung và hoàn thiện hệ thống hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Quảng Ngãi	C	Sở Nội vụ	2011-2012	9.615	9.615	500	9.115	6.360
---	--	---	-----------	-----------	-------	-------	-----	-------	-------

## Biểu 3

**DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI****Nguồn ngân sách trong cân đối NS địa phương**

(Kèm theo Nghị quyết số 41/2011/HĐND-NQ ngày 12/12/2011 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Nhóm dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Năng lực thiết kế	Số, ngày QĐ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	TMDT vốn NS tỉnh	Nguồn vốn được phê duyệt	Số ngày phê duyệt TDT	Kế hoạch năm 2012	Tình hình thực hiện
	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>325.199</b>	<b>175.122</b>			<b>98.200</b>	
<b>I</b>	<b>Các dự án đã ghi kế hoạch năm 2011 nhưng dừng theo NQ 11</b>									<b>72.700</b>	
1	Đường ĐT 624 - Dốc Nhảy	C	UBND H. Nghĩa Hành	-	1428/QĐ-UBND, 21/10/2010	14.891	14.891	NS tỉnh		5.000	Đã thi công xong
2	Thao trường huấn luyện kỹ, chiến thuật cấp phản đội cho BDBP tỉnh, kết hợp huấn luyện quân dự bị động viên, dân quân tự vệ	C	BCH Bộ đội BP tỉnh Quảng Ngãi	35,200 m <sup>2</sup>	192/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2010	4.921	4.921	NS tỉnh		2.500	Huấn luyện, diễn tập chiến thuật phục vụ công tác an ninh quốc

3	Trạm bảo vệ thực vật huyện Nghĩa Hành	C	Sở NN và PTNT	140 m <sup>2</sup> sản	37/QĐ-SKHĐT ngày 01/4/2010	835	835	NS tỉnh	700	Đã ký hợp đồng 31/5, thi công xong phần móng.	phòng. Đã phê duyệt phương án bồi thường, chưa đấu thầu
4	Trạm bảo vệ thực vật huyện Ba Tư	C	Sở NN và PTNT	140 m <sup>2</sup> sản	38/QĐ-SKHĐT ngày 01/4/2010	934	934	NS tỉnh	800	Đã ký hợp đồng 31/5, thi công xong phần móng.	Đã ký hợp đồng 31/5, thi công xong phần móng.
5	Nhà làm việc Trung tâm Thông tin và ứng dụng KHCN và Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng	C	Sở Khoa học và Công nghệ	sản 1,200 m <sup>2</sup>	182/QĐ-SKHĐT ngày 6/9/2010	6.922	6.922	NS tỉnh	3.500	Ký hợp đồng tháng 3 nhưng chưa khởi công.	Ký hợp đồng tháng 3 nhưng chưa khởi công.
6	Nhà làm việc Sở Văn hóa – Thể thao – Du lịch	C	Sở VH-TT-DL	xây dựng mới 1575m <sup>2</sup> sản,	1487/QĐ-UBND	9.411	9.411	NS tỉnh	3.500	Ký hợp đồng ngày 10/6, chưa khởi công	Ký hợp đồng ngày 10/6, chưa khởi công

7	Doanh trại Ban chỉ huy QS huyện Bình Sơn	C	Bộ chỉ huy QS tỉnh	Sàn 2.256 m <sup>2</sup>	1804/QĐ-BTL ngày 19/10/2010	21.200	10.600	NS tỉnh 50%	1828b/QĐ-BTLQK 5, 24/10/2011	3.600	Ghi kế hoạch năm 2011 nhưng dừng theo NQ 11
8	Nhà làm việc Công an phường Nguyễn Nghiêm	C	Công an tỉnh	612,09m <sup>2</sup> sân	1123/QĐ-SKHDT ngày 29/11/2010	3.401	3.401	NS tỉnh		2.000	Ghi kế hoạch năm 2011 nhưng dừng theo NQ 11
9	Nhà tạm giữ hành chính các huyện: Minh Long, Tây trà, Lý Sơn	C	Công an tỉnh	Mình Long sân 221,04m <sup>2</sup> , Tây Trà 221,4m <sup>2</sup> , Lý Sơn 240,9m <sup>2</sup>	134/QĐ-SKHDT ngày 2/8/2010	3.516	3.516	NS tỉnh		2.000	Ghi kế hoạch năm 2011 nhưng dừng theo NQ 11
10	Nhà làm việc Công an thị trấn Châu Ô	C			133/QĐ-SKHDT 2/8/2010	1.859	1.859	NS tỉnh		1.600	Ghi kế hoạch năm 2011 nhưng dừng theo NQ 11
11	Đường Phan Bội Châu (đoạn từ Hai Bà Trưng - Tôn Đức Thắng)	C	UBND thành phố	304,5m	1675/QĐ-UBND, 25/11/2010	14.300	7.150	NS tỉnh 50%, NS TP 50%		3.000	Đang lập phương án bồi thường

12	Đường vào KCN Phố Phong	B	BQL các KCN tỉnh	198,61m	1645/QĐ-UBND, 23/11/2010	56.600	56.600	NS tỉnh	14.000	Đang thi công móng, móng, khối lượng đạt 5 tỷ đồng
13	Xây dựng Khu TĐC và bồi thường, GPMB Khu liên hợp TDĐT tỉnh	C	Sở VH-TT-DL	12,762 ha	989/QĐ-UBND ngày 21/7/2010	14.532	14.532	NS tỉnh	4.500	Ký hợp đồng ngày 23/3/2011, thực hiện đạt 231 triệu đồng, đang tạm dừng do không ứng được vốn.
14	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn I)	B	Sở Nội vụ	3000 m2	1505/UBND ngày 30/10/2010	78.283	31.313	NS tỉnh 40%, Tổng cục LT 60%	9.000	Đã đấu thầu ngày 15/7/2011. Hoàn thành thủ tục kê khai đất và phương án bồi thường GPMB. Vốn TƯ 60%
15	Đường Hà Giang - Tịnh Thộ	C	UBND H.Sơn Tịnh	2,57km	644/QĐ-UBND 4/5/2010	10.296	8.237	NS tỉnh 80%, NS huyện	3.500	Chưa bồi thường, đã đấu

16	Đường bờ Đông sông Kinh Giang (nối dài)	B	Sở VH-TT-DL	3504m	1621/QĐ-UBND, 16/11/2010	83.298			20%	13.500	Đã giải ngân năm 2010 là 7,1 tỷ đồng cho bồi thường, KH 2011 bị dừng theo NQ 11
<b>II</b>	<b>Các dự án đã có đủ thủ tục (tổng dự toán được duyệt)</b>					<b>63.055</b>	<b>50.956</b>			<b>25.500</b>	
1	Rừng phòng hộ cảnh quan môi trường Lý Sơn	C	BCH Quân sự tỉnh		966/QĐ-UBND, 8/7/2011	20.110	8.010	NS tỉnh và CT bảo vệ rừng		5.000	
2	Trại nghiên cứu thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp	C	Sở KH-CN		1466/QĐ-UBND, 6/10/2011	14.998	14.998	NS tỉnh		7.000	
3	Sửa chữa NLV Sở Thông tin - Truyền thông	C	Sở TTTT		122/QĐ-SKHĐT, 27/9/2011	2.344	2.344	NS tỉnh		2.000	
4	Hội trường 17/8 và nhà công vụ Huyện ủy Minh Long	C	Huyện ủy Minh Long		869/QĐ-UBND, 19/10/2011	7.000	7.000	NS tỉnh		3.000	



5	Trạm kiểm soát biên phòng Mỹ Á	C	BQHBP	136/QĐ-SKHĐT, 25/10/2011	5.224	5.224	NS tỉnh	2.500	
6	Nhà làm việc Chi cục kiểm lâm	C	Sở NN và PTNT	10/QĐ-UBND, 7/01/2011	10.248	10.248	NS tỉnh	4.000	
7	NLV hạt kiểm lâm Đức Phổ	C	Sở NN và PTNT	185/QĐ-SKHĐT, 26/10/2010	3.132	3.132	NS tỉnh	2.000	

Biểu 5  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2012**  
**Nguồn vốn Xổ số kiến thiết**

(Kèm theo Nghị quyết số 41/2011/HĐND-NQ ngày 12/12/2011 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Quyết định phê duyệt	Địa điểm xây dựng	Đầu mối giao kế hoạch	Tổng mức đầu tư	Tổng mức đầu tư NS	Đã có KH đến năm 2011	Đã giải ngân	Kế hoạch năm 2012	Ghi chú
	<b>Tổng công</b>				<b>99.343</b>	<b>99.343</b>	<b>8.498</b>	<b>6.868</b>	<b>53.000</b>	
<b>I</b>	<b>Hoàn thành năm 2012</b>				<b>15.948</b>	<b>15.948</b>	<b>6.868</b>	<b>6.868</b>	<b>32.500</b>	
1	Nhà thi đấu đa năng Trường THPT số 2 Tư Nghĩa	191/QĐ-SKHĐT ngày 28/10/2010	Tư Nghĩa	Sở Giáo dục Đào tạo	5.118	5.118	3.068	3.068	1.000	Dự kiến bổ sung vào cuối năm
2	Trường THPT số 1 Nghĩa Hành	1572/QĐ-UBND, 9/11/2010	Nghĩa Hành	Sở Giáo dục Đào tạo	10.830	10.830	3.800	3.800	3.000	Dự kiến bổ sung vào cuối năm
3	Chương trình kiên cố hóa trường học				471.560	212.400	125.000		28.500	
<b>II</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>				<b>59.022</b>	<b>59.022</b>	<b>1.630</b>	<b>0</b>	<b>20.500</b>	
*	Các dự án đã ghi thực hiện năm 2011 nhưng dừng theo NQ 11				<b>34.648</b>	<b>34.648</b>	<b>1.630</b>	<b>0</b>	<b>12.000</b>	

1	Trường năng khiếu TDTT tỉnh	409/QĐ-UBND ngày 18/3/2010	TPQN	Sở VH, TT và DL	23.130	23.130	835	7.000	Ký hợp đồng ngày 18/4. Khối lượng đạt khoảng 965 triệu đồng, tạm dừng thi công do không ứng được vốn. Hiện nay các lớp năng khiếu phải học tăng hàm Bê tông Diên Hồng, không đảm bảo chất lượng và độ an toàn.
2	Trường PTTH Ba Già	1705/QĐ-UBND, 30/11/2010	Sơn Tịnh	Sở Giáo dục Đào tạo	11.518	11.518	795	5.000	Khối lượng đạt hơn 3 tỷ đồng, khởi công ngày 15/3/2011. Hiện nay đã tạm dừng thực hiện do không thanh toán được khối lượng.
*	<b>Dự án khởi công mới năm 2012 đã đủ thủ tục</b>				<b>24.374</b>	<b>24.374</b>	<b>0</b>	<b>8.500</b>	
1	Trung tâm bảo trợ xã hội Quảng Ngãi	1444/QĐ-UBND, 30/9/2011		Sở LĐTB và XH	12.401	12.401		4.500	
2	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Minh Long	572/QĐ-UBND, 14/9/2011		UBND huyện Minh Long	6.362	6.362		2.000	
3	Nhà đa năng Trường THPT huyện Ba Tơ	124/QĐ-SKHĐT, 3/10/2011		Sở Giáo dục Đào tạo	5.611	5.611		2.000	

Biểu 6  
**PHÂN CẤP VỐN CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2012**  
Nguồn ngân sách trong cân đối

(Kèm theo Nghị quyết số 41/2011/HĐND-NQ ngày 12/12/2011 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Huyện, thành phố	Vốn phân cấp cho các huyện, TP năm 2012	Ghi chú
1	Huyện Bình Sơn	20.148	
2	Huyện Sơn Tịnh	18.346	
3	Thành phố Q Ngãi	30.360	
4	Huyện Tư Nghĩa	16.301	
5	Huyện Nghĩa Hành	11.648	
6	Huyện Mộ Đức	15.435	
7	Huyện Đức Phổ	21.332	
8	Huyện Minh Long	8.146	
9	Huyện Ba Tơ	17.011	
10	Huyện Sơn Hà	15.456	
11	Huyện Sơn Tây	10.321	
12	Huyện Trà Bồng	12.379	
13	Huyện Tây Trà	11.155	
14	Huyện Lý Sơn	6.703	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>214.741</b>	<b>Trong đó giáo dục đào tạo là 20%, Chương trình nông thôn mới 24%</b>

**Biểu 7**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2012**  
**Nguồn vốn quỹ đất**

(Kèm theo Nghị quyết số 41/2011/HĐND-NQ ngày 12/12/2011 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Tên công trình	Đầu mối giao kế hoạch	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn được phê duyệt	Kế hoạch năm 2012	Tình hình thực hiện
	<b>TỔNG SỐ</b>				<b>50.432</b>	
1	Khu dân cư trục đường Bàu Giang - Cầu mới	BQL các dự án ĐT và XD tỉnh	290.000	Vốn khai thác quỹ đất của dự án	50.000	
2	Đoạn đường nội bộ ngang qua Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh	Sở NN và PTNT	432	Vốn từ quỹ đất thuộc dự án Đề bao TP Quảng Ngãi	432	